

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:63/2019/DSST
Ngày 10-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vinh
2. Ông Phạm Hồng Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-DS ngày tháng năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ; Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng S, theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/03/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Tuấn A ủy quyền cho ông Mai Mạnh C; chức vụ: Chuyên viên (theo văn bản ủy quyền số 4390/2019/UQ-VPB ngày 13/6/2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ 18B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/03/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Mạnh C trình bày:*

Bà Võ Thị H vay của Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Đ; địa chỉ: số 567 đường Đ, phường H, quận Th, thành phố Đà Nẵng theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6515398, ngày giải ngân 03/03/2016; Theo đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 7022213, giải ngân ngày 21/04/2016 và theo giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 127-P-682667, giải ngân ngày 09/03/2016; Cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6515398, giải ngân ngày 09/03/2016, số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất: 30,2%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; hàng tháng bà H phải trả gốc và lãi là 675.270đ.

Hợp đồng tín dụng số 7022213, giải ngân ngày 21/04/2016. Số tiền vay: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng); thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn đầu tiên; lãi suất: 30,2%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; hàng tháng bà H phải trả gốc và lãi là 389.295đ.

Hợp đồng Thẻ tín dụng Quốc tế số 127-P-682667, giải ngân ngày 09/03/2016. Số tiền vay: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất: 38%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Võ Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 6515398 từ ngày 03/4/2017 bà H không trả gốc và lãi, đối với hợp đồng tín dụng số 7022213 từ ngày 21/4/2019 bà H không trả gốc và lãi, đối với hợp đồng Thẻ tín dụng Quốc tế số 127-P- từ ngày 22/02/2017 bà H không trả gốc và lãi nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/9/2019, bà Võ Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là: Nợ gốc: 57.278.347 đồng; Nợ lãi: 66.166.046đồng; Tổng cộng gốc và lãi là: 123.444.393đ.

Trong đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP V có yêu cầu bà H phải trả cho ngân hàng khoản phạt chậm trả lãi, tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP V xin rút yêu cầu trên.

Nay, Ngân hàng TMCP V yêu cầu: Bà Võ Thị H phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2019 là 123.444.393 (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi ba đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 11/9/2019 cho đến khi bà H thanh toán xong khoản tiền gốc cho ngân hàng theo mức lãi suất trong các hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/7/2019 và ngày 24/7/2019 nhưng bà Võ Thị H không có mặt tại Tòa án và không có văn bản gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn bà Võ Thị H cư trú tại tổ 18B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:**

Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Đ có cho bà Võ Thị H vay tiền, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 6515398, bà H vay số tiền vay 40.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất: 30,2%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Hợp đồng tín dụng số 7022213, bà H vay số tiền 22.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất: 30,2%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 127-P-682667, bà H vay số tiền 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất: 38%/năm; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Bà H đã nhận đủ tiền vay. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Võ Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/9/2019, bà Võ Thị H còn nợ ngân hàng TMCP V số tiền là gốc và lãi là: 123.444.393đ. Trong đó, nợ gốc: 57.278.347 đồng; nợ lãi: 66.166.046đồng. Do vậy, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà H trả số nợ trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Võ Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 6515398, 7022213 và 127-P-682667 kể từ ngày 11/9/2019 cho đến ngày bà H thanh toán hết khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu buộc bà H phải trả cho ngân hàng khoản phạt chậm trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị H phải chịu là $123.444.393\text{đồng} \times 5\% = 6.172.219\text{ đồng}$. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.689.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu số 0005720 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V đối với bà Võ Thị H.

2. Buộc bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 123.444.393đ (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 57.278.347đồng; nợ lãi tính đến ngày 10/9/2019 là 66.166.046đồng.

3. Bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 6515398, 7022213 và 127-P-682667 kể từ ngày 11/9/2019 cho đến ngày bà H thanh toán hết khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị H phải chịu là 6.172.219đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 2.689.000đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng), đã nộp tại biên lai thu số 0005720 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

5. đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q.Cẩm Lệ;
- TAND tp. Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- TANG tp. Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

